

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Tuyết Mai.

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Công T**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2018 và tại đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 27/6/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đoàn Công T tự nguyện kết hôn vào ngày 24/12/2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị xác định do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập chị và thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn chung sống lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly thân với nhau hơn 01 năm, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/6/2011. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

- Tại đơn yêu cầu ngày 20/6/2018 và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 27/6/2018 bị đơn anh Đoàn Công T trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H. Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung anh xác định không có. Nay vì hoàn cảnh đi làm xa không về được nên xin vắng mặt trong hòa giải và xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T có đơn yêu cầu không tham gia hòa giải và xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy chị H và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai vào ngày 24/12/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống chị H xác định mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T thống nhất đồng ý ly hôn với chị H. Điều này cho thấy quá trình chung sống giữa chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo chị H trình bày là có cơ sở, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Đoàn Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/6/2011. Xét yêu cầu nuôi con của chị H thì thấy rằng: cháu V hiện do chị H nuôi dưỡng và anh T xác định đi làm ăn xa nên không có điều kiện nuôi con. Do đó, anh chị thỏa thuận tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng là trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Xét thấy anh chị xác định quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đoàn Công T.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/6/2011 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình chị H phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008236 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên